

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HSST
Ngày 24-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Quang Huy và bà Đặng Thị Lan Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 178/2019/TL-HSST ngày 07 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 10/01/1988 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 194, đường K, phường L, thành phố R, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Đoàn Thị H; vợ: Chưa có; có 1 con, sinh năm 2019 (con chung với chị Đặng Thị Cao S, chưa đăng ký kết hôn).

Tiền sự: Không có; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2009/HSST ngày 01/7/2009 Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và Bản án số 101/2009/HSST ngày 07/9/2009 Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Nay chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự số tiền 57.570.000đồng, nên Bản án án số 101/2009/HSST ngày 07/9/2005 chưa được xóa án tích.

Về nhân thân: Ngày 07/11/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2005/HSST xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/11/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2005/HS-ST xử phạt 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2019 đến nay, có mặt.

2. Nông Duy B, sinh ngày 26/5/1985 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 3/31 đường V, phường L, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nông Ngọc C và bà Phạm Thị P (đã chết); vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không; tiền sự: Năm 2017 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc theo Quyết định số 08/2017/QĐ-TA ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, thời hạn 20 tháng. Về nhân thân nghiện ma túy.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2019 đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 7 thôn G, xã K, thành phố R, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Thu N, sinh năm 1954; địa chỉ số 162 đường E, phường M, thành phố R, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 05/8/2019 bị cáo Nguyễn Mạnh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12 K7-1483 mượn của anh trai là Nguyễn Hải Trường đến nhà bị cáo Nông Duy B để cùng đi mua ma túy với một người thanh niên không quen rồi cùng sử dụng. Sau đó cùng đi xe trên các tuyến đường thành phố R, mục đích ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ cùng ngày khi đi đến gần nhà ông Nguyễn Văn D, thôn G, xã K, thành phố R nhìn thấy có treo trước cửa nhà chậu hoa lan cảnh, Nguyễn Mạnh T nói với Nông Duy B là trộm khóm hoa lan, tới nơi Nguyễn Mạnh T bảo Nông Duy B cảnh giới và cầm lái chờ, còn Nguyễn Mạnh T quan sát thấy không có ai, chèo lên hàng rào Inox nhỏ khóm hoa ra khỏi chậu, mang ra ngồi lên sau xe để Nông Duy B chở đi, mang khóm hoa lan trộm được đến khu vực chợ Bờ Sông, phường Vĩnh Trại bán cho bà Phạm Thu N, sinh năm 1954, trú tại số 162, đường E, phường M, thành phố R được 200.000đồng, sau đó lấy 120.000đồng mua ma túy cùng sử dụng, số tiền 80.000đồng còn lại Nguyễn Mạnh T mua xăng và thuốc lá hết.

Sau khi phát hiện mất trộm khóm hoa Lan, ngày 05/8/2019 ông Nguyễn Văn D là chủ sở hữu đã báo cơ quan công an, qua điều tra cùng ngày đã thu được khóm hoa. Ngày 17/8/2019 Nguyễn Mạnh T đã đến công an thành phố R đầu thú khai nhận hành vi trộm cắp cùng với Nông Duy B như trên. Căn cứ biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 172A/ĐGTSTTHS ngày 19/8/2019, xác định khóm hoa Lan trị giá 2.200.000đồng. Ngày 20/8/2019 công an thành phố R đã bắt giam Nông Duy B để điều tra theo quy định, qua điều tra Nông Duy B khai nhận được trộm cắp khóm hoa lan như Nguyễn Mạnh T khai.

Tại bản cáo trạng số 178/KSĐT ngày 07/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân thành phố R để xét xử về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng vụ án, khóm hoa lan vàng ngày 06/8/2019 công an đã thu được và trả lại cho ông Nguyễn Văn D, bị hại vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu bồi thường gì. Còn bà Phạm Thu N người mua khóm hoa lan, do không biết là tài sản trộm cắp, nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hình sự. Bà Phạm Thu N vắng mặt tại phiên tòa và cũng không đòi lại 200.000đồng tiền mua hoa.

Về xe mô tô biển kiểm soát 12K7-1483 các bị cáo dùng làm N tiện đi trộm cắp tài sản, là của anh Nguyễn Hải Đường (anh trai ruột bị cáo T), nhưng chủ xe không biết các bị cáo đi để trộm cắp, nên công an không tạm giữ xe trên.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên; bị hại ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thu N đều khai đúng nội dung sự việc như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để cùng trộm cắp tài sản là khóm hoa lan vàng trị giá 2.200.000đồng, nên đủ căn cứ tuyên bố các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng bị cáo Nguyễn Mạnh T có 1 tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là tái phạm; về giảm nhẹ các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo Nguyễn Mạnh T có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bố, mẹ bị cáo là người có công; bị cáo Nông Duy B có thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 15 - 18 tháng tù, bị cáo Nông Duy B từ 9 - 12 tháng tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về bồi thường dân sự, do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, nhưng đề nghị truy thu số tiền 200.000đồng các bị cáo phạm tội mà có sung ngân sách Nhà nước. Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đều nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét, cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để cải tạo, sớm về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo: Lời khai nhận tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và được làm rõ tại phiên tòa, thể hiện khoảng 10 giờ ngày 05/8/2019 Nguyễn Mạnh T và Nông Duy B có hành vi trộm cắp khóm hoa lan vàng trị giá 2.200.000đồng của ông Nguyễn Văn D tại số 7, thôn G, xã K, thành phố R, trong đó Nguyễn Mạnh T là người trực tiếp thực hiện trộm cắp, còn Nông Duy B hỗ trợ cảnh giới và điều khiển xe mô tô chở đi tiêu thụ. Do vậy, có đủ căn cứ tuyên bố các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Đánh giá hành vi, hậu quả, mức độ phạm tội, tính chất đồng phạm của từng bị cáo, thấy: Các bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực hành vi hình sự,

cùng thực hiện việc phạm tội, nên là đồng phạm giản đơn, theo khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó Nguyễn Mạnh T có vai trò chính, khởi xướng việc trộm cắp và là người thực hành; còn Nông Duy B là người đứng cảnh giới, vai trò giúp sức và chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, có được hưởng lợi là dùng tiền bán tài sản mua ma túy cùng sử dụng. Nên mức hình phạt cho bị cáo Nguyễn Mạnh T cao hơn Nông Duy B.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nghiện ma túy, Nguyễn Mạnh T đã 4 lần phạm tội hình sự đều bị xử phạt tù; Nông Duy B đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thời hạn 20 tháng. Về tăng nặng bị cáo Nguyễn Mạnh T có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; về giảm nhẹ các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo; ngoài ra bị cáo Nguyễn Mạnh T có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có bố, mẹ bị cáo là người có công được tặng Huân chương và ra đầu thú; còn Nông Duy B có thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Từ những nhận định đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, đủ để cải tạo sau này trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự các bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Căn cứ kết quả điều tra, nội dung xét hỏi tại phiên tòa, thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản để nộp phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Về quá trình điều tra, truy tố của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người T hành tố tụng. Nên hành vi, quyết định tố tụng thực hiện trong hồ sơ là hợp pháp.

[7] Đối với bà Phạm Thu N người mua khóm hoa lan, do không biết là tài sản trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[8] Về bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Văn D đã nhận khóm hoa, còn bà Phạm Thu N đã mua 200.000đồng khóm hoa, nhưng các đương sự đều không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét. Nhưng cần truy thu 200.000đồng tiền do phạm tội mà có, để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung ngân sách Nhà nước.

[10] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; Điều 38; 58 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Riêng bị cáo Nguyễn Mạnh T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Duy B áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Nông Duy B phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, thời hạn thi hành án phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 17/8/2019.

Xử phạt bị cáo Nông Duy B **09** (chín) tháng tù, thời hạn thi hành án phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/8/2019.

Truy thu số tiền do phạm tội mà có: Bị cáo Nguyễn Mạnh T là 140.000đồng (một trăm bốn mươi nghìn đồng), bị cáo Nông Duy B là 60.000đồng (sáu mươi nghìn đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T và Nông Duy B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tp Lạng Sơn;
- Công an tp Lạng Sơn;
- CCTHA DS tp Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNVLA đến vụ án;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Xuân Tĩnh

